

SỞ Y TẾ VINH PHÚC
BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 197 / BV- KD
V/v mời báo giá gói thầu Dược liệu 6
tháng cuối năm 2022 và năm 2023.

Vĩnh Yên, ngày 15 tháng 06 năm 2022

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty kinh doanh Dược liệu;

Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua Dược liệu 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023 sử dụng tại Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc .

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện đề nghị các nhà thầu cung cấp báo giá gói thầu Dược liệu gửi về Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vĩnh Phúc. (có danh mục phụ lục kèm theo)

Địa chỉ: (Đường Nguyễn Tất Thành, Định Trung, TP.Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.SĐT:0211.861.057 và gửi file mềm vào mail yhoccotruyenvinhphuc@gmail.com trước ngày 18/06/2022.

Rất mong nhận được sự đồng ý phối hợp thực hiện từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên:
- Website Bệnh viện:
- Lưu: VT, Dược, HSDT

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Văn Xuân

DANH MỤC GỎI THẦU DƯỢC LIỆU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022 VÀ NĂM 2023
(Kèm theo thư mời báo giá số : 198/ ngày 15/06/2022 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền Vinh Phúc)

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023 (18 tháng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12
1	4	4	Kinh giới	3	N	Herba Elsholitziae ciliatae	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi hoặc sấy khô	Ngon canh/DĐVN V	Kg	40	
2	7	8	Sinh khương	3	N	Rhizoma Zingiberis recens	Rửa sạch, cắt bỏ rễ con	Thân rễ/DĐVN V	Kg	70	
3	9	10	Tế tân	3	B	Radix Asari	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm phơi âm can đến khô	Rễ, thân rễ/DĐVN V	Kg	50	
4	14	15	Bạc hà	3	N	Herba Menthae	Rửa sạch cắt đoạn ngắn 3cm, phơi khô ở nhiệt độ thấp	phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	90	
5	15	16	Cát căn	3	N	Radix Puerariae thomsonii	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Rễ củ/DĐVN V	Kg	100	
6	18	3	Cúc tần	3	N	Radix et folium Pluccheae indicae	Khô, sạch, 1-2 cm, màu xám, vị đắng	Thân, cành	Kg	500	
7	24	23	Mạn kinh tử	3	N	Fructus Viticis trifoliae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Quả chín/DĐVN V	Kg	10	
8	28	28	Tang diệp	3	N	Folium Mori albae	Rửa sạch, sấy nhẹ cho khô	Lá/DĐVN V	Kg	300	
9	29	29	Thăng ma	3	B	Rhizoma Cimicifugae	Rửa sạch, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	40	
10	34	141	Cốt khí củ	3	N	Radix Polygoni cuspidati	Rễ củ, rửa sạch loại bỏ tạp chất, thái phiến mỏng 1mm, phơi hoặc sấy khô/DĐVN V	Rễ củ/DĐVN V	Kg	6	
11	35	142	Dây đau xương	3	N	Caulis Tinosporae tomentosae	Rửa sạch, thái phiến mỏng dày 20mm, sấy khô	Thân/DĐVN V	Kg	300	
12	37	31	Độc hoạt	3	B	Radix Angelicae pubescentis	Rửa sạch, ủ mềm, thái phiến mỏng, phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	110	
13	39	34	Hy thiêm	3	N	Herba Siegesbeckiae	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	240	
14	40	152	Ké đầu ngựa	3	N	Fructus Xanthii strumarii	Rửa sạch, phơi sấy khô	Quả già/DĐVN V	Kg	25	
15	41	35	Khuông hoạt	3	B	Rhizoma et Radix Notopterygii	Rửa sạch, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ, rễ/DĐVN V	Kg	50	
16	44	38	Mộc qua	3	B	Fructus Chaenomelis speciosae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát mỏng, phơi khô	Quả chín/DĐVN V	Kg	190	
17	45	39	Ngũ gia bì chân chim	3	N	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát mỏng, phơi khô	Vỏ thân/DĐVN V	Kg	55	
18	47	6	Phòng phong	3	B	Radix Saposlmikoviae divaricatae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày, phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	55	
19	49	148	Tang chi	3	N	Ramulus Mori albae	Rửa sạch, cắt lát dày 0.2 - 0.5cm, sấy khô	Cành non/DĐVN V	Kg	35	
20	50	149	Tang ký sinh	3	N	Herba Loranthi gracilifolii	Rửa sạch cắt ngắn 3cm, phơi sấy khô	Tầm gửi trên cây Dâu/ ĐĐVN V	kg	140	
21	53	45	Tân giao	3	B	Radix Gentianae macrophyllae	Rửa sạch, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	50	

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023	Ghi chú
22	54	151	Thiên niên kiện	3	N	Rhizoma Homalomenae occultae	Rửa sạch, ủ mềm thái lát dày 1mm, sấy nhẹ đến khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	100	
23	55	154	Trinh nữ (Xấu hổ)	3	N	Herba Mimosae pudicae	Rửa sạch cắt ngắn 3cm, phơi sấy khô	Toàn cây/DĐVN V	Kg	15	
24	56	156	Uy linh tiên	3	B	Radix et Rhizoma Clematidis	Rửa sạch, thái ngắn 3cm, phơi sấy khô	Rễ, thân rễ/DĐVN V	Kg	35	
25	57	99	Xích đồng nam	3	N	Herba Clerodendri infortunati	Phiến khô, sạch, màu xám, vị đắng, Toàn cây	Toàn cây	Kg	140	
26	58	47	Cần khuông	3	N	Rhizoma Zingiberis	Rửa sạch, thái phiến, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	120	
27	60	48	Đại hồi	3	N	Fructus Illicii veri	Rửa sạch, sấy khô	Quả chín	Kg	110	
28	61	49	Địa liên	3	N	Rhizoma Kaempferiae galangae	Rửa sạch, thái phiến mỏng, phơi khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	110	
29	62	50	Đinh hương	3	B	Flos Syzygii aromatici	Rửa sạch, sấy khô	Nụ hoa/DĐVN V	Kg	18	
30	67	340	Phụ tử	3	B	Radix Paeoniae lactiflorae	Rễ được loại bỏ tạp chất, ủ mềm thái lát mỏng dày 1mm, phơi hoặc sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	50	
31	69	59	Bạch biển đậu	3	N	Semen Lablab	Rửa sạch, sấy khô	Hạt già/ ĐĐVN V-ĐĐVN V	Kg	15	
32	71	61	Hà diệp	3	N	Folium Nelumbinis	Rửa sạch, thái nhỏ 2cm, phơi sấy khô	Lá/DĐVN V	Kg	7	
33	74	65	Bạch hoa xà thiệt thảo	3	N	Herba Hedyotidis diffusae	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi hoặc sấy khô	Toàn cây/DĐVN V	Kg	23	
34	78	68	Bồ công anh	3	N	Herba Lactucaee	Rửa sạch, cắt đoạn 3-5cm, phơi hoặc sấy khô	Toàn cây/DĐVN V	Kg	50	
35	84	75	Diệp hạ châu	3	N	Herba Phyllanthi	Rửa sạch, cắt đoạn 5cm, phơi sấy khô	Toàn cây/DĐVN V	Kg	18	
36	87	76	Đơn lá đỏ (Đơn mắt trời)	3	N	Herba Excoecariae cochinchinensis	Khô, sạch 2 cm, màu đỏ, vị nhạt, Toàn cây	Toàn cây	Kg	20	
37	88	103	Giáo cổ lam	3	N	Herba Gynostemmae pentaphylli	Rửa sạch, cắt đoạn ngắn 3cm	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	10	
38	90	79	Kim ngân đẳng	3	N	Caulis cum folium Lonicerae	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, sấy khô	Cành, lá/DĐVN V	Kg	75	
39	91	80	Kim ngân hoa	3	N	Flos Lonicerae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Nụ hoa/DĐVN V	Kg	70	
40	92	83	Liên kiều	3	B	Fructus Forsythiae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Quả chín/DĐVN V	Kg	60	
41	96	91	Sài đất	3	N	Herba Wedeliae	Rửa sạch cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	15	
42	97	94	Thỏ phục linh	3	N	Rhizoma Smilacis glabrae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 1mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	200	
43	98	95	Trinh nữ hoàng cung	3	N	Folium Crini latifolii	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi, sấy khô	Lá/DĐVN V	Kg	40	
44	99	97	Xạ can	3	N	Rhizoma Belamcandae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 1mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	100	

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023	Ghi chú
45	101	100	Xuyên tâm liên	3	N	Herba Andrographitis anicalatae	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	35	
46	103	72	Côi xay	3	N	Herba Abutili indict	Rửa sạch, loại bỏ tạp chất, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	35	
47	102	104	Chi tử	3	N	Fruclus Gardeniae	Rửa sạch, phơi, sấy khô	Quả chín/DĐVN V	Kg	10	
48	106	134	Huyền sâm	3	N	Radix Scrophulariae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 2mm, phơi khô	Rễ/DĐVN V	Kg	35	
49	108	108	Thạch cao	3	N	Gypsum fibrosum	Rửa sạch phơi khô, đập thành miếng nhỏ, loại bỏ tạp chất, nghiền thành bột thô	Khoáng thiên nhiên/DĐVN V	Kg	10	
50	109	110	Tri mẫu	3	B	Rhizoma Anemurrhenae	Rửa sạch , cắt bỏ rễ con, thái phiến dày 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	24	
51	114	117	Hoàng bá	3	B	Cortex Phellodendri	Rửa sạch, thái phiến, sấy khô	Vỏ thân/DĐVN V	Kg	30	
52	115	118	Hoàng bá nam (Núc nác)	3	N	Cortex Oroxyli indici	Phiến khô, sạch, màu vàng, vị đắng, Vô cây	Vỏ cây	Kg	40	
53	116	119	Hoàng cầm	3	B	Radix Scutellariae	Rửa sạch, thái phiến mỏng, phơi hoặc sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	20	
54	118	121	Hoàng liên	3	B	Rhizoma Coptidis	Rửa sạch, sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	15	
55	119	122	Khổ sâm	3	N	Folium et Ramulus Crotonis tonkinensis	Rửa sạch, cắt từng đoạn 3cm, phơi sấy khô	Lá, cành/DĐVN V	Kg	37	
56	120	123	Long đởm thảo	3	B	Radix et rhizoma Genfianae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Rễ, thân rễ/DĐVN V	Kg	7	
57	124	127	Nhân trần	3	N	Herba Adenosmatis caerulei	Rửa sạch, cắt ngắn 3cm, sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	40	
58	130	133	Bạch mao căn	3	N	Rhizoma Imperratae cylindricae	Rửa sạch, ngâm nước cho hơi mềm, rồi cắt thành đoạn 3-4 cm phơi khô, sàng bỏ chất vụn	Thân rễ/DĐVN V	Kg	10	
59	133	136	Mẫu đơn bì	3	B	Cortex Paeoniae suffruticosae radiceis	Rửa sạch, rút bỏ lõi, thái đoạn 2cm, phơi sấy khô	Vỏ rễ/DĐVN V	Kg	350	
60	135	138	Sinh địa	3	B	Radix Rehmanniae glutinosae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày, phơi sấy khô	Rễ củ/ DĐVN V	kg	1000	
61	136	93	Thiên hoa phấn	3	B	Radix Trichosanthis	Rửa sạch, thái phiến dày 1mm, phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	8	
62	137	260	Xích thược	3	B	Radix Paeoniae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	200	
63	141	162	Bán hạ nam	3	N	Rhizoma Typhonii trilobati	Rửa sạch loại bỏ rễ con, loại bỏ vỏ ngoài, thái phiến dày 2mm, phơi hoặc sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	75	
64	148	170	Thỏ bổi mẫu	3	B	Bulbus Pseudolaricis	Rửa sạch, phơi sấy khô	Thân hành/DĐVN V	Kg	150	
65	150	173	Xuyên bối mẫu	3	B	Bulbus Fritillariae	Rửa sạch, Loại bỏ tạp chất, phơi sấy khô	Thân hành/ DĐVN V	Kg	28	
66	151	175	Bách bộ	3	N	Radix Stemonae tuberosae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 0.5cm phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	4	
67	156	180	Cát cánh	3	B	Radix Platycodi grandiflori	Rửa nhanh bằng nước sạch, để ráo, thái mỏng dày khoảng 2-3 mm, phơi hoặc sấy khô.	Rễ/DĐVN V	Kg	120	
68	157	182	Hạnh nhân	3	B	Semen Armeniacae amarum	Đem hạnh nhân ngâm vào nước sôi 5 - 10 phút cho vỏ mềm xốp. Lấy ra, chà xát sạch vỏ, phơi khô. Sạo hơi vàng.	Hạt/DĐVN V	Kg	60	

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023	Ghi chú
69	171	197	Câu đằng	3	N	Ramulus cum unco Uncariae	Rửa sạch cắt đoạn 3cm, sấy khô	Móc câu/DĐVN V	Kg	90	
70	176	201	Thiên ma	3	B	Rhizoma Gastrodiae elatae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát mỏng 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	40	
71	181	206	Lạc tiên	3	N	Herba Passiflorae	Rửa sạch, cắt ngắn 3cm, phơi sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	680	
72	184	208	Phục thần	3	B	Poria	Rửa sạch, thái phiến dày 1cm, sấy khô	Vỏ thể quả nấm/DĐVN V	Kg	60	
73	185	209	Táo nhân	3	B	Semen Ziziphi mauritanae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Hạt già/DĐVN V	Kg	75	
74	187	210	Thảo quyết minh	3	N	Semen Cassiae torae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Hạt già/DĐVN V	Kg	70	
75	189	211	Viễn chí	3	B	Radix Polygalae	Rút bỏ lõi, rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	60	
76	190	212	Vông nem	3	N	Folium Erythrinae	Rửa sạch, cắt ngắn 2cm, sấy khô	Lá/ DĐVN V	Kg	120	
77	193	216	Thạch xương bồ	3	N	Rhizoma Acori graminei	Rửa sạch, cắt bỏ rễ con, thái phiến dày 2mm, sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	95	
78	195	219	Chì xác	3	N	Fructus Aurantii	Quả chưa chín da toát hơi tập nhac, hơi hơi qua cơ đường kính trên 1cm, quả nhỏ để nguyên phơi hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp	Quả chưa chín/DĐVN V	Kg	230	
79	196	220	Hậu phác	3	B	Cortex Maynoliae officinalis	Cạo sạch vỏ, rửa sạch, ủ mềm, thái lát, phơi sấy khô	Vỏ cây/DĐVN V	Kg	50	
80	198	222	Hương phụ	3	N	Rhizoma Cyperi	Đốt cháy hết thân lá lông và rễ con, rửa sạch, thái lát mỏng, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	130	
81	200	224	Mộc hương	3	B	Radix Saussureae lappae	Rửa sạch, thái phiến dày 2mm, thái phiến sấy nhẹ	Rễ/DĐVN V	Kg	150	
82	201	232	Mộc hương nam	3	N	Cortex Aristolochiae Balansae	Phiến khô, sạch, màu xanh, vị đắng, Vỏ cây	Vỏ cây	Kg	40	
83	203	225	Ô dược	3	N	Radix Linderae	Rửa sạch, thái lát dày 2mm, sấy khô	Rễ/DĐVN V	Kg	65	
84	205	227	Sa nhân	3	N	Fructus Amomi	Quả sa nhân khô kiệt, bóc bỏ vỏ lấy khối hạt đem phơi hoặc sấy nhẹ 40-45 độ đến khô	Quả/DĐVN V	Kg	40	
85	208	230	Trần bì	3	N	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Rửa sạch, ủ mềm, thái sợi, phơi âm can đến khô	Vỏ quả chín/DĐVN V	Kg	120	
86	210	236	Cô xước (Ngưu tất nam)	3	N	Radix Achyranthis asperae	Khô, sạch cắt 2cm, màu xanh, vị đắng, Củ	Củ	Kg	280	
87	211	237	Đan sâm	3	B	Radix Salviae miltiorrhizae	Rửa sạch, thái lát dày, phơi sấy khô	Rễ và thân rễ/DĐVN V	Kg	130	
88	212	238	Đào nhân	3	B	Semen Pruni	Rửa sạch, phơi sấy khô	Hạt/DĐVN V	Kg	280	
89	213	241	Hồng hoa	3	B	Flos Carthami tinctorii	Loại bỏ tạp chất, phơi khô	Hoa/ DĐVN V	kg	150	
90	214	242	Huyền hồ	3	B	Tuber Corydalis	Rửa sạch, thái phiến, sấy nhẹ đến khô	Rễ củ/DĐVN V	Kg	15	
91	215	243	Huyết giác	3	N	Lignum Dracaenae cambodiana	Thái lát, phơi hoặc sấy khô	Lõi gỗ/ DĐVN V	kg	120	
92	216	244	Ích mẫu	3	N	Herba Leonuri japonici	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi hoặc sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	40	

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023	Ghi chú
93	217	245	Kê huyết đằng	3	N	Caulis Spatholobi	Rửa sạch, thái phiến dày 2mm, phơi sấy khô	Thân/DĐVN V	Kg	450	
94	218	247	Khương hoàng	3	N	Rhizoma Curcumae longae	Rửa sạch, thái phiến dày 1mm, sấy cho khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	110	
95	220	249	Nga truat	3	N	Rhizoma Curcumae zedoariae	Rửa sạch, thái lát mỏng, phơi hoặc sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	40	
96	224	256	Tạo giác thích	3	N	Spina Gledischiae australis	Khô, sạch, màu đen, vị đắng, Gai	Gai cây	Kg	7	
97	225	257	Tô mộc	3	N	Lignum sappan	Rửa sạch cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Gỗ lõi/DĐVN V	Kg	20	
98	228	264	Cỏ nhọ nồi	3	N	Herba Ecliptae	Thu hoạch cây đang ra hoa, bỏ gốc, rễ, rửa sạch, phơi khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	50	
99	230	266	Hồ hoa	3	N	Flos Styphnolobii japonici	Loại bỏ tạp chất, phơi hoặc sấy nhẹ cho khô	Nụ hoa/DĐVN V	Kg	33	
100	235	271	Trắc bách diệp	3	N	Cacumen Platycladi	Rửa sạch, cắt ngắn 3cm, phơi sấy khô	Cành non, lá/DĐVN V	Kg	12	
101	236	273	Bạch linh	3	B	Poria	Thái miếng, phơi sấy khô	Thế quả nấm/DĐVN V	Kg	450	
102	245	284	Kim tiền thảo	3	N	Herba Desmodii styracifolii	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Phần trên mặt đất/DĐVN V	Kg	100	
103	247	286	Mộc thông	3	N	Caulis Clematidis	Phiến khô, sạch, màu trắng, vị đắng nhạt, Thân cây	Thân cây	Kg	450	
104	256	293	Tỳ giải	3	N	Rhizoma Dioscoreae	Rửa sạch, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	55	
105	252	289	Thạch vĩ	3	N	Herba Pyrrrosiae linguae	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Toàn cây/DĐVN V	Kg	20	
106	253	290	Thông thảo	3	B	Medulla Tetrapanacis	Rửa sạch, thái lát dày 3mm, phơi sấy khô	Lõi thân/DĐVN V	Kg	1	
107	254	291	Trạch tả	3	N	Rhizoma Alismatis	Rửa sạch, bỏ rễ con, ủ mềm, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	260	
108	257	294	Xa tiền tử	3	N	Semen Plantaginis	Rửa sạch, phơi sấy khô	Hạt/DĐVN V	Kg	150	
109	258	295	Ý dĩ	3	N	Semen Coicis	Rửa sạch, sấy khô	Hạt/DĐVN V	Kg	160	
110	262	301	Đại hoàng	3	B	Rhizoma Rhei	Cạo vỏ ngoài, rửa sạch, thái lát dày, phơi sấy khô	Thân rễ/DĐVN V	Kg	900	
111	267	307	Vừng đen	3	N	Semen Sesami	Khô, sạch, màu đen, vị ngọt béo, Hạt	Hạt	Kg	40	
112	272	312	Kê nội kim	3	N	Endothelium Corneum Gigeriae Galli	Rửa sạch, phơi sấy khô	Màng trong mề gà/DĐVN V	Kg	7	
113	274	314	Lục thần khúc	3	N	Massa medicata fermentata	Sấy khô	Hỗn hợp lên men/DĐVN V	Kg	16	
114	275	315	Mạch nha	3	B	Fructus Hordei germinatus	Rửa sạch, sấy khô	Quả chín/DĐVN V	Kg	7	
115	276	316	Ô tặc cốt	3	N	Os Sepiae	Rửa sạch, thái miếng nhỏ, phơi khô, tán thành bột mịn	Mai mực/ ĐĐVN V	Kg	20	

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023	Ghi chú
116	278	317	Sơn tra	3	N	Fructus Mali	Rửa sạch thái lát dày 3mm, phơi sấy khô	Quả chín/ĐDVN V	Kg	40	
117	279	153	Thương truật	3	B	Rhizoma Atractylodis	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 2mm, phơi sấy khô	Thân rễ/ĐDVN V	Kg	55	
118	286	327	Ngũ vị tử	3	B	Fructus Schisandrae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Quả/ĐDVN V	Kg	150	
119	290	332	Sơn thù	3	B	Fructus Corni officinalis	Rửa sạch, loại bỏ tạp chất, phơi sấy khô	Quả chín/ĐDVN V	Kg	230	
120	293	336	Củ gai	3	N	Radix Boehmeriae niveae	Rửa sạch, thái phiến dày 2mm, phơi sấy khô	Rễ/ĐDVN V	Kg	7	
121	295	340	Bạch thược	3	B	Radix Paeoniae lactiflorae	Lấy rễ cây Bạch thược loại bỏ tạp chất, rửa sạch, cho lượng nước vừa phải để thấm hết vào rễ Bạch thược. Ủ qua đêm. Sau khi rửa sạch, để cho mềm rồi dùng dụng cụ bằng inox bào	Rễ/ĐDVN V	Kg	570	
122	296	240	Đương quy	3	B	Radix Angelicae sinensis	Rửa sạch, thái phiến, sấy nhẹ	Rễ/ĐDVN V	Kg	1100	
123	298	343	Hà thủ ô đỏ	3	B	Radix Fallopiae multiflorae	Rửa sạch, thái phiến dày 30mm, phơi sấy khô	Rễ củ/ĐDVN V	Kg	170	
124	299	346	Long nhãn	3	N	Arillus Longan	Sấy nhẹ 50-60 độ C	Cùi quả/ĐDVN V	Kg	90	
125	303	341	Câu kỷ tử	3	B	Fructus Lycii	Rửa sạch, sấy khô	Quả chín/ĐDVN V	Kg	180	
126	305	347	Mạch môn	3	B	Radix Ophiopogonis japonici	Rửa sạch, rút bỏ lõi, phơi sấy khô	Rễ củ/ĐDVN V	Kg	380	
127	307	349	Ngọc trúc	3	B	Rhizoma Polygonati odorati	Rửa sạch, thái lát dày 1mm, phơi sấy khô	Thân rễ/ĐDVN V	Kg	20	
128	309	351	Sa sâm	3	B	Radix Glehniae	Rửa sạch, ủ mềm, thái phiến dày 2mm, phơi sấy khô	Rễ/ĐDVN V	Kg	25	
129	310	353	Thạch斛	3	B	Herba Dendrobii	Rửa sạch, cắt đoạn 3cm, phơi sấy khô	Thân/ĐDVN V	Kg	19	
130	315	363	Củ tích	3	N	Rhizoma Cistotii	Rửa sạch, thái phiến, phơi sấy khô	Thân rễ/ĐDVN V	Kg	300	
131	316	364	Cốt toái bồ	3	N	Rhizoma Drynariae	Loại bỏ tạp chất, loại bỏ rễ con, rửa sạch, cắt đoạn 2-4cm, phơi hoặc sấy khô	Thân rễ/ĐDVN V	Kg	220	
132	317	366	Dâm dương hoắc	3	B	Herba Epimedii	Rửa sạch, cắt ngắn 3cm, phơi, sấy khô	Phần trên mặt đất/ĐDVN V	Kg	9	
133	319	370	Đỗ trọng	3	B	Cortex Eucommiae	Cạo vỏ thô, rửa sạch, thái miếng sợi còn tơ, phơi sấy khô	Vỏ thân/ĐDVN V	Kg	420	
134	321	374	Ích trí nhân	3	B	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Rửa sạch, phơi sấy khô	Quả chín/ĐDVN V	Kg	9	
135	324	378	Phá cô chi	3	B	Fructus Psoraleae corylifoliae	Quả đã loại bỏ tạp chất, phơi sấy khô	Quả/ĐDVN V	Kg	9	
136	327	385	Tục đoạn	3	N	Radix Dipsaci	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 1mm, phơi sấy khô	Rễ/ĐDVN V	Kg	330	
137	328	358	Bạch truật	3	N	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Rửa sạch, ủ mềm, thái lát dày 1mm, phơi hoặc sấy khô	Thân rễ/ĐDVN V	Kg	480	
138	329	360	Cam thảo	3	B	Radix Glycyrrhizae	Ủ mềm, thái phiến, phơi hoặc sấy khô	Rễ, thân rễ/ĐDVN V	Kg	360	

STT	STT TT 05	STT TT 15	Tên dược liệu	Nhóm TCKT	Nguồn gốc	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	Bộ phận dùng/TCCL	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023	Ghi chú
139	330	365	Đại táo	3	B	Fructus Ziziphi jujubae	Rửa sạch, phơi khô, tán nhỏ	Quả chín/ĐDVN V	Kg	270	
140	331	367	Đảng sâm B	3	B	Radix Codonopsis	Rửa sạch, thái đoạn dài 5cm, phơi sấy khô	RỄ/ĐDVN V	Kg	600	
141	332	369	Đinh lăng	3	N	Radix Polysciacis	Phiến khô, sạch, màu trắng ngà, vị ngọt nhạt,	Củ	Kg	100	
142	333	372	Hoài sơn	3	N	Tuber Dioscoreae persimilis	Rửa sạch, sấy khô	Rễ củ	Kg	310	
143	334	373	Hoàng kỳ	3	B	Radix Astragali membranacei	Rửa sạch, ủ mềm, thái phiến dày, phơi sấy khô	RỄ/ ĐDVN V	kg	1800	
144	343	393	Phèn chua (Bạch phèn)	3	N	Allumen	Bột khô, sạch, màu xanh, vị mặn		Kg	40	

Tổng số 144 mặt hàng dự trữ

Người lập



Trần Hùng Cường

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH BỆNH VIỆN



Nguyễn Văn Xuân